

Bản án số: 62/2021/HS-ST.

Ngày: 28 - 9 - 2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Thanh Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Thạch Công P, sinh năm 1994, tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Khơme; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch S và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/7/2021 đến nay, bị cáo có mặt.

\* Người bị hại: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 9, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

\* Các người làm chứng:

1. Ông Trần Đại D, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Hồng C, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 9, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch Công P và Phạm Văn T quen biết nhau do cùng làm công cho xà lan bơm cát. Khoảng 11 giờ ngày 14/4/2021, trên Xà lan mang số hiệu VL 14866 của anh Phan Thanh D đang neo đậu tại cảng Vĩnh Thái thuộc Phường C, thành phố V, Thạch Công P tổ chức nhậu cùng với Phạm Văn T (người điều khiển xà lan) và Trần Đại D, đến khoảng 12 giờ cùng ngày P rủ thêm Phạm Văn T và vợ của T là Phạm Thị Hồng C ở xà lan kế bên cùng nhậu. Trong lúc nhậu giữa P và anh T có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi với nhau, P đi xuống dưới Cabin phía sau xà lan lấy cây dao bằng kim loại dài khoảng 30cm, bề rộng khoảng 05cm, mũi dao dạng bầu, chém 01 cái vào đầu và 01 cái vào vai của anh T, lúc này anh D đến ôm P lại để can ngăn, trong lúc can ngăn thì lưỡi dao trúng vào chân phải của anh D làm anh D bị thương, sau đó P bỏ dao xuống xà lan, anh D sợ P tiếp tục gây thương tích cho anh T nên anh D lượm cây dao quăng xuống sông. Sau đó, P tháo dây để T điều khiển xà lan rời khỏi cảng Vĩnh Thái, còn anh T được chị C đưa đến Bệnh X thành phố V cấp cứu và trình báo với Công an Phường C, thành phố V.

Sau khi sự việc xảy ra, Thạch Công P bỏ đi khỏi địa phương. Đến ngày 25/6/2021 P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V để đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. P khai, do trong lúc nhậu anh T nói chuyện lớn tiếng và chửi thề, P kêu anh T nói chuyện đàng hoàng anh T không nghe còn cự lại và lấy tay định đánh P, do tức giận nên đã lấy dao chém anh T.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số: 101/2021/TgT ngày 10/6/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Phạm Văn T là 14%. Đối với Trần Đại D chỉ bị thương nhẹ, P cũng không cố ý gây thương tích cho anh D, nên anh D từ chối giám định thương tích và không yêu cầu P bồi thường.

Đối với Phạm Văn T qua làm việc khai nhận có nhìn thấy P và anh T đánh nhau nhưng không trực tiếp thấy P cầm dao chém anh T, khi nghe P nói chém anh T, lúc đó T hoảng sợ nên điều khiển Xà lan chạy đi, không có ý định chờ P chạy trốn, khi lực lượng Công an yêu cầu T điều khiển Xà lan vào bờ neo đậu để làm việc T đã chấp hành, nên không xem xét xử lý hành vi của T.

Bà Phạm Thị H (mẹ của P) đã bồi thường chi phí điều trị cho Phạm Văn T với số tiền 11.200.000 đồng, nên T không còn yêu cầu gì đối với Thạch Công P và có đơn bãi nại cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKSNDTPVL ngày 06/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, truy tố bị cáo Thạch Công P về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố đối với bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó các bên đã thỏa thuận xong việc bồi hoàn, bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường nên không yêu cầu gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà H) là mẹ ruột bị cáo đã xuất tiền bồi thường cho bị hại, Bà có ý kiến không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền cho Bà.

Sau khi nghe lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 62/CT-VKS, ngày 06/9/2021 mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Thạch Công P về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị không xem xét, vì các bên đã tự thỏa thuận xong tại giai đoạn điều tra, về vật chứng (dao) không thu hồi được nên đề nghị không xem xét xử lý, còn cái áo sơ mi đề nghị tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng và chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: “Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự có quy định: “*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm*”:

“*đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến dưới 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ a đến k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm*”;

Tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự có quy định:

“*a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người*”;

“*i) Có tính chất côn đồ*”.

Bị cáo P có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại (chém), trong khi chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong lời nói với nhau mà bị cáo đã dùng dao chém bị hại, thể hiện bản chất hung hãn, côn đồ, hành vi vừa nêu của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Thạch Công P về tội “*Cố ý gây thương tích*” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo dùng hung khí nguy hiểm (dao) chém bị hại nhiều vết thương, với tỷ lệ tổn thương cơ thể được xác định là 14% đồng. Ý thức của bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xảy ra, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng về nhận thức cũng như điều khiển hành vi, nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét về nhân thân của bị cáo, bị cáo không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, với hành vi phạm tội của bị cáo, thấy cần phải xử phạt nghiêm, nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, xét thấy cần thiết phải áp dụng

hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này. Vì vậy, tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là hợp lý.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình và bị hại đã tự thỏa thuận xong, bị hại không còn yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét. Riêng bà Phạm Thị H (mẹ ruột bị cáo) đã bồi thường cho bị hại, nhưng bà không có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền cho bà, nên bị cáo không cần phải có trách nhiệm trả lại tiền cho bà H.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra không thu hồi được cây dao nên không có cơ sở xử lý; riêng cái áo sơ mi không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về trách nhiệm nộp án phí: Bị cáo còn phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Thạch Công P phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thạch Công P - 02 (*hai*) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy một cái áo sơ mi vải, tay ngắn sọc ca rô xanh, trắng không còn giá trị sử dụng (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án thành phố V).

3. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Thạch Công P phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- CC THA DS TP V;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hồ Thanh Hồng**